| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Viên

Ông Phan Minh Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1251/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-DS ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 688/57/71 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 688/57/71 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.(Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại bản tự khai ngày 17/10/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa Chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và Anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01 ngày 21/11/1991. Quá trình chung sống có 02 người con chung Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 07/11/1992 và Nguyễn Kiều A, sinh ngày

15/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, anh T tính tình nóng nảy, cục cằn thậm chí có hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra năm 2016 anh T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã cố gắng chịu đựng để duy trì hôn nhân vì các con nhưng cuộc sống vẫn không có hạnh phúc. Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh T nữa nên chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn N sinh ngày 07/11/1992 (đã trưởng thành) và Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Kiều Anh, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh xác nhận quá trình chung sống, kết hôn và con chung như chị H trình bày là đúng. Anh thừa nhận tính tình anh nóng nảy nên trong cuộc sống chung vợ chồng đôi khi anh không kiềm chế được và có những hành xử không đúng với chị H, còn việc chị H trình bày anh có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, chị H thường hay đi chùa chiền không quan tâm đến anh nên anh cố tình chụp ghép hình mình với người phụ nữ khác và đăng tải trên mạng xã hội Facebook với mục đích mong muốn chị H quay về với anh chứ thực chất anh không hề có người phụ nữ nào khác, mọi quan hệ chỉ là xã giao bình thường. Nay anh đã nhìn nhận được những khuyết điểm của mình nên anh mong chị H sẽ tha thứ, bỏ qua cho anh, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình cùng lo cho con chung. Anh hứa sẽ không còn nóng nảy, đánh đập chị H nữa và sẽ quan tâm đối xử tốt với chị H hơn. Anh T xác nhận vợ chồng sống ly thân gần một năm nay. Tuy nhiên, hiện anh vẫn còn tình cảm với chị H nên đối với yêu cầu ly hôn của chị H anh không đồng ý.

Nếu Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh đồng ý giao trẻ Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi trẻ Kiều Anh 5.000.000 đồng/ tháng.

Tại phiên tòa:

- Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như đã trình bày.

- Anh T không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Giao con chung là Nguyễn Kiều A cho chị H trực tiếp dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Chị Trần Thị Thu H và Anh Nguyễn Văn T là ly hôn. Anh T hiện đang cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2]. Về nội dung*:

Hôn nhân giữa Chị Trần Thị Thu H và Anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 11 năm 1991.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Căn cứ vào lời khai của chị H, anh T đã thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H, anh T là do không hòa hợp về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Vào tháng 8/2017 chị H đã nộp đơn ly hôn với anh T và được Tòa án thụ lý. Sau buổi làm việc tại Tòa được Tòa án động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng chị đã rút đơn. Tuy nhiên, khi về chung sống với anh T chị nhận thấy cuộc sống vẫn không thay đổi, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Điều này cho thấy

mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nhưng không thể giải tỏa, hàn gắn được, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T.

*[3]*. Về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị H và anh T có 02 người con chung Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 07/11/1992 (đã trưởng thành) và Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002

Chị H và anh T thỏa thuận giao con chung Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Xét sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*[4]*.Về chia tài sản*:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

*[5]*. Về án phí*:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số số 0027489 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh T phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân:  Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với Anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01 do UBND Phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/1991 không còn hiệu lực.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tuấn N sinh ngày 07/11/1992 (đã trưởng thành) và Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002.

1. Giao trẻ Nguyễn Kiều A, sinh ngày 15/10/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh T phải đóng góp nuôi con với chị H là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Kiều Anh thành niên (đủ 18 tuổi). Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền

Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Về chia tài sản: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị H phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0027489 ngày 02 tháng 10

năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh T phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H, Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKS ND.Q. Gò Vấp;
- UBND Phường Văn Miếu quận Đống Đa, Tp.Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Huệ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Huệ**